TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2023
V/v tranh chấp hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh + Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2022/TLST- HNGĐ ngày 27/12/2022 "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo quy định đưa vụ án ra xét xử số /2023/QĐST – HNGĐ ngày 10/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST – HNGĐ ngày 05/5/2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: thôn NP, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1989 – vắng mặt

Địa chỉ: thôn ĐT, xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị S kết hôn với nhau ngày 18/03/2008. Trước khi kết hôn hai vợ chồng có được tự do tìm hiểu, tự nguyên đi đến hôn nhân và không bị ai ép buộc. Hai vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Cưới xong chị S về nhà anh làm dâu chung sống với bố mẹ anh. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về việc làm ăn, kinh tế, thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Hai vợ chồng ly thân từ tháng

4/2010 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị S

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/02/2009. Hiện nay, cháu H đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị S phải góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị S vắng mặt không có mặt tại địa phương, không có lời khai với tòa án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn chị S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt là ý thức chấp hành pháp luật chưa cao

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Gia H cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với chị Trần Thị S có nơi cư trú tại xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà đã thụ lý giải vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của chị S: Chị S không có mặt tại địa phương. Tòa án đã lấy lời khai của ông Trần Văn Tú là bố đẻ của chị S. Ông Tú cho biết chị S đi làm ăn kinh tế còn làm ở đâu thì ông không rõ. Chị S đi làm từ năm 2021 cứ đầu tháng đi, cuối tháng thì về. Ông không biết địa chỉ của chị S để cung cấp cho Tòa án. Do chị S cố tình dấu địa chỉ nên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng

vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị S kết hôn ngày 18/03/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, huyện Hiệp Hoà nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2010 cho đến nay. Từ đó đến nay hai vợ chồng không còn quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Chị S đi đâu làm gì anh C cũng không biết. Tòa án lấy lời khai của ông Tú là bố đẻ của chị S được ông Tú cho biết vợ chồng chị S, anh C đã mâu thuẫn trầm trọng. Ông Tú đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C, chị S ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy, vợ chồng anh C, Chị S có thời gian mâu thuẫn từ năm 2010 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm yêu thương nhau, không chia sẻ với nhau về cuộc sóng hàng ngày, chị S đi đâu làm gì từ đó cho đến nay anh C đều không biết gì. Điều đó khẳng định đời sống chung vợ chồng giữa anh C đã không còn tồn tại từ năm 2010 cho đến nay . Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng anh C, chị S đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh C ly hôn chị S là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/02/2009. Hiện nay, cháu H đang ở cùng anh C, Cháu H cũng có nguyện vọng ở với anh C nên cần tiếp tục giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Anh C không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Trần Thị S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/02/2009 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012190 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã HL;
- Lưu HSVA – VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đặng Văn Chức